Chi tiết mã HS 0104.10.90

Mã HS	0104.10.90
Mô tả hàng hóa	Cừu, dê sống / - Cừu: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/con
Thời điểm tạo	03/11/2026 05:29:05
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/01041090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K50
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N50
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q50
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E43
ATIGA	2022	2022	0	AT!E44
ATIGA	2023	2023	0	AT!F44
ATIGA	2024	2024	0	AT!G44
ATIGA	2025	2025	0	AT!H44
ATIGA	2026	2026	0	AT!I44
ATIGA	2027	2027	0	AT!J44
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E46
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F46

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G46
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H46
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I46
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J46
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E44
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F44
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G44
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H44
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I44
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J44
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F44
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H43
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F46
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G46
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H46
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I46
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J46
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K46
VKFTA	2022	2022	0	VK!E44
VKFTA	2023	2023	0	VK!F44
VKFTA	2024	2024	0	VK!G44
VKFTA	2025	2025	0	VK!H44
VKFTA	2026	2026	0	VK!I44
VKFTA	2027	2027	0	VK!J44
VCFTA	2022	2022	0	VC!D45
VCFTA	2023	2023	0	VC!E45

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F45
VCFTA	2025	2025	0	VC!G45
VCFTA	2026	2026	0	VC!H45
VCFTA	2027	2027	0	VC!I45
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D46
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E46
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F46
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G46
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H46
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I46
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D44
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E44
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F44
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G44
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H44
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I44
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D43
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E43
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F43
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G43
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H43
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I43
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D45
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E45
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F45
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G45

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H45
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I45
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D45
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E45
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F45
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G45
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H45
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I45
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J45
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D44
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E44
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F44
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G44
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H44
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I44
RCEP B	2022	2022	0	B!D44
RCEP B	2023	2023	0	B!E44
RCEP B	2024	2024	0	B!F44
RCEP B	2025	2025	0	B!G44
RCEP B	2026	2026	0	B!H44
RCEP B	2027	2027	0	B!I44
RCEP C	2022	2022	0	C!D44
RCEP C	2023	2023	0	C!E44
RCEP C	2024	2024	0	C!F44
RCEP C	2025	2025	0	C!G44
RCEP C	2026	2026	0	C!H44

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I44
RCEP D	2022	2022	0	D!D44
RCEP D	2023	2023	0	D!E44
RCEP D	2024	2024	0	D!F44
RCEP D	2025	2025	0	D!G44
RCEP D	2026	2026	0	D!H44
RCEP D	2027	2027	0	D!I44
RCEP E	2022	2022	0	E!D44
RCEP E	2023	2023	0	E!E44
RCEP E	2024	2024	0	E!F44
RCEP E	2025	2025	0	E!G44
RCEP E	2026	2026	0	E!H44
RCEP E	2027	2027	0	E!I44
RCEP F	2022	2022	0	F!D44
RCEP F	2023	2023	0	F!E44
RCEP F	2024	2024	0	F!F44
RCEP F	2025	2025	0	F!G44
RCEP F	2026	2026	0	F!H44
RCEP F	2027	2027	0	F!I44
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F39
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G39
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H39
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I39

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)		17/2023/TT-BNNPTNT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0104.10 có 2 dòng thuế; dòng 0104.10.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	0104.10.10 Loại thuần chủng để nhân giống	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0104.10.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 0104.10.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N50), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)
Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.